

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



PHAN CÔNG HẢI

**PHÁP LUẬT VỀ GIÁ CƯỚC INTERNET
Ở VIỆT NAM**

Ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8380107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT KINH TẾ

THỪA THIÊN HUẾ - năm 2023

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Hà Lệ Thủy**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc
sĩ học tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài.....	1
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài	2
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	2
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....	3
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn	3
7. Bố cục của luận văn	4
Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ GIÁ CƯỚC INTERNET	4
1.1. Khái quát về internet và giá cước internet	4
1.1.1. Khái niệm và quá trình phát triển về internet.....	4
1.1.2. Vai trò của internet.....	5
1.1.3. Khái niệm giá cước internet	6
1.2. Khái quát pháp luật về giá cước internet	7
1.2.1. Khái niệm pháp luật về giá cước internet	7
1.2.2. Đặc điểm pháp luật về giá cước internet.....	8
1.2.3. Nội dung pháp luật về giá cước internet	8
1.3. Các yếu tố tác động đến thực hiện pháp luật về giá cước internet.....	9
Tiểu kết Chương 1.....	10
Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ GIÁ CƯỚC INTERNET TẠI VIỆT NAM.....	10
2.1. Thực trạng quy định của pháp luật về giá cước internet.....	10
2.1.1. Nội dung các quy định pháp luật về giá cước internet.....	10
2.1.2. Cơ quan quản lý nhà nước và người tiêu dùng về dịch vụ internet	13
2.1.3. Đánh giá thực trạng pháp luật về giá cước internet	14
2.2. Thực trạng thực hiện pháp luật về giá cước internet của Việt Nam.....	14
2.2.1. Tình hình thực hiện về giá cước internet	14
2.2.2. Vướng mắc, bất cập và nguyên nhân của vướng mắc, bất cập liên quan đến giá cước dịch vụ internet.....	15
Tiểu kết Chương 2.....	17
Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ GIÁ CƯỚC INTERNET TẠI VIỆT NAM	18
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về giá cước internet tại Việt Nam ...	18
3.2. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật về giá cước internet.....	18
3.2.1. Hoàn thiện quy định pháp luật về quản lý giá cước internet	18
3.2.2. Hoàn thiện quy định pháp luật quy định về cấp phép internet và cạnh tranh giá cước internet.....	19
3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về giá cước internet.....	20

3.3.1. Giải pháp đối với Nhà nước	20
3.3.2. Giải pháp đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ internet.....	20
Tiểu kết Chương 3.....	21
KẾT LUẬN	22

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Việt Nam là thị trường có giá cước internet rẻ nhất thế giới, đứng thứ 12/211 quốc gia và vùng lãnh thổ về giá cước internet băng rộng cố định. Trong năm 2021, dung lượng internet tăng trưởng nhanh, song doanh thu chỉ tăng 2%/năm. Đây là áp lực lớn với các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông¹ và cũng là yếu tố ảnh hưởng đến kinh doanh và chiến lược phát triển kinh tế của đất nước.

Dưới góc độ pháp luật, cho đến hiện nay, Nhà nước đã ban hành những văn bản pháp luật liên quan đến hệ thống mạng internet, trong đó có giá cước internet. Cụ thể như: Luật Công nghệ thông tin năm 2006; Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010; Nghị định số 72/2013/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng; Nghị định số 27/2018/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng; Nghị định số 165/2018/NĐ-CP về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính; Nghị định số 15/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử; Quyết định 1159/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện một số nội dung hỗ trợ dịch vụ viễn thông công ích thuộc “chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020”; Nghị định số 14/2022/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử ...

Dưới góc độ thực tiễn, mặc dù ở Việt Nam chưa có vụ việc nào xảy ra ở mức độ nghiêm trọng do các hành vi vi phạm liên quan đến sử dụng dịch vụ internet và nghĩa vụ chi trả hợp đồng về phí sử dụng dịch vụ internet. Tuy nhiên điều đó không đồng nghĩa với việc chưa có những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn áp dụng pháp luật về giá cước internet.

Từ góc độ pháp luật và thực tiễn nói trên, việc nghiên cứu hoàn thiện pháp luật Việt Nam về giá cước internet ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay là hết sức cần thiết. Từ những lý do nêu trên, tác giả lựa chọn đề tài “**Pháp luật về giá cước internet ở Việt Nam**” làm Luận văn Thạc sĩ ngành Luật Kinh tế của mình.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Trong số các công trình đã công bố, có thể kể đến những công trình tiêu biểu như:

- Luận án “*Hợp đồng liên doanh trong kinh doanh dịch vụ viễn thông ở Việt Nam hiện nay*” (2012), Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội của Lê Kim Giang.

¹ Phát triển viễn thông băng thông rộng để phục vụ nhu cầu người dân, Ngọc Bích (2022), <https://www.vietnamplus.vn/phat-trien-vien-thong-bang-thong-rong-de-phuc-vu-nhu-cau-nguoi-dan/770532.vnp>, truy cập ngày 21/2/2023

- Luận văn Thạc sĩ Luật học “*Các quy định của pháp luật Việt Nam về dịch vụ Internet trong thời kỳ hội nhập quốc tế*” (2012) của tác giả Đỗ Thị Thúy Nga tại Trường Đại học Luật Hà Nội.

- Luận văn Thạc sĩ Luật học “*Pháp luật cạnh tranh trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ Internet và thông tin di động tại Việt Nam*” (2015) của tác giả Phạm Tuấn Hùng tại Trường Đại học Luật - Đại Học Huế.

- Luận văn Thạc sĩ ngành kinh tế quản lý “*Một số giải pháp phát triển thuê bao Internet và các dịch vụ gia tăng trên mạng của công ty điện toán và truyền số liệu trên địa bàn thành phố Hải Phòng*” (2004) của tác giả Phạm Thị Thêm tại Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội.

- Luận văn “*Nâng cao năng lực cạnh tranh dịch vụ internet của tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam*” (2012) của Nguyễn Hòa Duyên, Luận văn Thạc sĩ Quản trị kinh doanh tổng hợp, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

- Nguyễn Thị Hồng Kiều (2012), “*Nghiên cứu ảnh hưởng của chất lượng dịch vụ, nhận thức về giá cả đến sự bất mãn của khách hàng hộ gia đình sử dụng dịch vụ Internet trên mạng cáp quang truyền hình tại Thành phố Hồ Chí Minh*”, Luận văn Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

Nhìn chung, đa phần các công trình nói trên nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế, một số ít công trình có nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực luật học. Tuy nhiên, đây sẽ là những tài liệu quý báu giúp cho tác giả có cái nhìn toàn diện và khách quan hơn về đề tài nghiên cứu. Trên cơ sở kế thừa những ưu điểm của các tác giả đi trước, luận văn tiếp tục đi sâu nghiên cứu vấn đề pháp luật giá cước internet ở Việt Nam hiện nay.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài

3.1. Mục đích nghiên cứu đề tài

Luận văn nghiên cứu để cung cấp luận cứ khoa học nhằm đề xuất giải pháp thực hiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về giá cước internet ở Việt Nam.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu đề tài

Để hoàn thành mục đích nghiên cứu, luận văn có các nhiệm vụ cơ bản sau đây:

Một là, làm rõ những vấn đề lý luận pháp luật về internet và giá cước internet;

Hai là, phân tích và đánh giá thực trạng pháp luật về giá cước internet;

Ba là, phân tích và đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật về giá cước internet, chỉ ra được những tồn tại, vướng mắc trong quá trình áp dụng pháp luật;

Bốn là, đưa ra được một số giải pháp cụ thể và có tính khả thi cho việc sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật Việt Nam hiện hành về giá cước internet.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu một số vấn đề lý luận và thực hiện pháp luật về giá cước internet ở Việt Nam.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung: luận văn tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận pháp luật, thực trạng và thực tiễn áp dụng pháp luật về giá cước internet ở Việt Nam.
- Về không gian nghiên cứu: Luận văn nghiên cứu ở trên lãnh thổ Việt Nam.
- Về thời gian nghiên cứu: Luận văn nghiên cứu trong thời gian từ năm 2018 đến năm 2022.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Luận văn sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin dựa trên các quan điểm, đường lối lãnh đạo của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước về giá cước internet ở Việt Nam hiện nay.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Để triển khai các nội dung nghiên cứu, luận văn sử dụng một số phương pháp nghiên cứu sau đây:

Một là, phương pháp hệ thống hóa lý thuyết được sử dụng trong luận văn nhằm làm rõ những vấn đề lý luận pháp luật về giá cước internet sẽ được trình bày ở chương 1.

Hai là, phương pháp phân tích văn bản pháp luật và phân tích quy phạm pháp luật được sử dụng trong luận văn nhằm làm rõ nội dung quy định của pháp luật về giá cước internet ở Việt Nam được thể hiện trong chương 2.

Ba là, phương pháp tổng hợp, thống kê được sử dụng trong luận văn nhằm làm rõ tình hình áp dụng pháp luật về giá cước internet ở Việt Nam được thể hiện trong chương 2.

Bốn là, phương pháp so sánh, đánh giá được sử dụng trong luận văn nhằm làm rõ những ưu điểm, hạn chế trong quy định của pháp luật Việt Nam và thực tiễn áp dụng các quy định về giá cước internet ở Việt Nam để từ đó đưa ra những giải pháp tương ứng có tính kế thừa từ kết quả nghiên cứu của các chương trước. Phương pháp này sẽ được sử dụng trong chương 2 và chương 3.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa khoa học

Qua nghiên cứu, tác giả đã phát hiện và khắc phục những điểm hạn chế trong công tác xây dựng pháp luật, quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet đó là, việc xây dựng pháp luật về internet và giá cước internet thiếu tầm nhìn chiến lược mà điển hình là việc thường xuyên bổ sung, thay đổi pháp luật và các hướng dẫn thực hiện pháp luật có liên quan.

Tác giả đã đưa ra 5 định hướng và 2 nhóm giải pháp để khắc phục những hạn chế nêu trên để nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về giá cước internet ở Việt Nam.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận văn có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo phục vụ công tác giảng dạy và học tập tại các cơ sở đào tạo luật, là tài liệu tham khảo cho các cơ quan thực thi pháp luật, các chủ thể, cán bộ, tổ chức có liên quan trong việc tham gia và ký kết các hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ thương mại điện tử nói chung và kinh doanh dịch vụ internet nói riêng. Kết quả nghiên cứu thực tiễn của

luận văn cũng là nguồn tài liệu tham khảo cho cá nhân, các tổ chức nhà mạng và các chủ thể khác như Tòa án, Trọng tài nhằm giải quyết tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực này.

7. Bố cục của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn được bố cục thành ba chương như sau:

Chương 1. Một số vấn đề lý luận pháp luật về giá cước internet;

Chương 2. Thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về giá cước internet tại Việt Nam;

Chương 3. Định hướng và các giải pháp hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về giá cước internet tại Việt Nam.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ GIÁ CƯỚC INTERNET

1.1. Khái quát về internet và giá cước internet

1.1.1. Khái niệm và quá trình phát triển về internet

Thuật ngữ: “Internet” xuất hiện lần đầu tiên năm 1993 khi giáo sư Vint Cerf thuộc trường Đại học California - Mỹ, đáp lại mong muốn của chính quyền Mỹ cài đặt một mã chung cho tất cả các máy tính giao thức TCP/IP (TCP/IP là tên chung cho một tập hợp hơn 100 giao thức được sử dụng để kết nối các máy tính vào mạng, trong đó hai giao thức chính là TCP viết tắt là Transmission Control Protocol và IP viết tắt của Internet Protocol) và đặt tên là Internet.

Năm 1991, Giáo sư Rob Hurle, Đại học Quốc gia Australia cùng với ông Trần Bá Thái, Viện Công nghệ thông tin tại Hà Nội đã tiến hành thí nghiệm kết nối các máy tính ở Australia và Việt Nam thông qua đường dây điện thoại.

Năm 1994, Viện Công nghệ Thông tin tại Hà Nội (thông qua công ty NetNam) đã trở thành nhà cung cấp dịch vụ Internet đầu tiên tại Việt Nam, với dịch vụ thư điện tử dưới tên miền quốc gia .vn.

Ngày 19/11/1997, internet chính thức được cung cấp cho người dân cả nước. VNPT, Netnam là những doanh nghiệp đầu tiên cung cấp dịch vụ internet. Dịch vụ được cung cấp trên hạ tầng mạng điện thoại cố định, tuy nhiên tốc độ truy cập còn hạn chế².

Năm 2009, internet cáp quang FTTH chính thức được triển khai với tốc độ truy cập mạng tăng đáng kể so với ADSL. Cùng thời điểm này, VinaPhone khai trương mạng 3G mở ra kỷ nguyên Internet cho di động tại Việt Nam. Đây được xem là bước đón đầu quan trọng cho sự bùng nổ Internet băng rộng di động tại Việt Nam sau này.

Từ năm 2010 đến nay, internet Việt Nam có sự phát triển mạnh mẽ, xu hướng chuyển dịch từ cáp đồng sang cáp quang. Với sự ra đời nhiều loại điện thoại di động thông minh (smartphone), người dùng cá nhân đang có xu hướng sử dụng Internet trên di động.

² Theo vietnamplus.vn (2022), <https://baothaibinh.com.vn/tin-tuc/218/163656/internet-viet-nam-25-nam-phat-trien-va-nhung-buoc-tien-vuot-bac>, truy cập ngày 22/2/2023

Đến nay Việt Nam đã phát triển mạnh mẽ với 68,72 triệu người dùng internet, chiếm 70,3% dân số. Internet giờ đây đã có mặt ở mọi nơi, từ thành thị tới nông thôn, từ đồng bằng đến miền núi, biên giới, hải đảo. Sau 25 năm phát triển, internet đã trở thành một phần không thể thiếu, có mặt ở mọi lĩnh vực đời sống xã hội của hàng triệu người dân Việt Nam và là nền tảng để phát triển kinh tế số, xã hội số.

Từ cuối năm 2020 đến tháng 10/2021, lưu lượng internet tại Việt Nam tiếp tục tăng hơn 30%. Nhiều hoạt động, đặc biệt là học và họp trực tuyến, được đưa lên môi trường số tạo lưu lượng truy cập lớn. Việt Nam đang nằm trong số các nước triển khai IPv6, giao thức Internet mới nhất, cao nhất toàn cầu, với tỷ lệ ứng dụng IPv6 nằm trong top 10 thế giới và cao hơn gấp đôi khu vực ASEAN.

Trên cơ sở các quan niệm về internet và sự ra đời và phát triển của dịch vụ internet, có thể thấy rằng thuật ngữ internet là một thuật ngữ thông dụng, phổ biến và đã được việt hóa. Từ đây có thể đưa ra khái niệm về internet như sau: *“Internet là một phương tiện tự duy trì kết nối hàng triệu máy tính trên toàn cầu bằng cách sử dụng cáp, đường dây điện thoại, vệ tinh hoặc kết nối không dây để tạo ra một môi trường ảo, là sự kết nối mạng lưới các mạng, một hệ thống liên kết với nhau tạo điều kiện thuận lợi cho việc chia sẻ thông tin trên internet”*.

1.1.2. Vai trò của internet

Internet đang ảnh hưởng đáng kể đến các mối quan hệ và tương tác giữa các chính phủ và công dân của họ. Sự hội tụ này và mở rộng truy cập internet là dân chủ hóa, bởi vì một trong những bài học của internet là bất kỳ ai cũng có thể truy cập vào một kho dữ liệu khổng lồ thông tin và tham gia vào nhiều hình thức thương mại.

Dưới góc độ truyền thông xã hội, internet có vai trò to lớn đối với các chủ thể khi bản thân họ có thể cung cấp các thông tin hữu ích đến các cơ quan chức năng hoặc các đối tượng cần nắm bắt thông tin một cách nhanh chóng mà không cần công khai danh tính. Thông tin của truyền thông xã hội có tính cập nhật thường xuyên, nội dung thông tin phong phú, đa dạng từ nhiều nguồn, nhiều địa bàn, nhiều lĩnh vực đời sống xã hội. Vì vậy, truyền thông xã hội đang ngày càng thu hút đông đảo người dùng internet, nhất là trong những năm gần đây, và đang có sự dịch chuyển thói quen tìm kiếm thông tin từ các website thông tin chính thống sang các website truyền thông xã hội, nhất là các trang thông tin điện tử tổng hợp.

Dưới góc độ thương mại, internet có vai trò trong phát triển kinh tế - xã hội: Khi internet đã phát triển để thâm nhập vào tất cả các khía cạnh của nền kinh tế và xã hội, thì vai trò của các trung gian internet cho phép truy cập, lưu trữ, truyền tải và lập chỉ mục nội dung do bên thứ ba tạo ra hoặc cung cấp dịch vụ dựa trên internet cho bên thứ ba cũng tăng theo. Chúng cho phép một loạt các hoạt động thông qua cả công nghệ có dây và di động.

Về phần mình, các công cụ tìm kiếm, công thông tin và nền tảng nối mạng có sự tham gia tạo điều kiện tiếp cận với nguồn thông tin phong phú vô song, cũng như tạo cơ hội cho các hoạt động sáng tạo mới và tương tác xã hội³.

Vai trò của internet trong toàn cầu hóa kinh tế ngày càng được quan tâm. Sự gia tăng số người dùng internet đã chứng tỏ làm tăng tổng thương mại dịch vụ, cũng như xuất khẩu dịch vụ và nhập khẩu dịch vụ⁴. Internet đã ảnh hưởng đến thương mại quốc tế ở khắp mọi nơi. Điều này có ý nghĩa quan trọng đối với khối lượng thương mại và các mô hình thương mại song phương. Đặc biệt, nếu công nghệ mới làm giảm chi phí đầu vào thì tăng trưởng internet sẽ thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu⁵.

1.1.3. Khái niệm giá cước internet

Trước hết, cần phải hiểu rằng nói đến giá cước dịch vụ tức là đang nói đến chất lượng dịch vụ. Giá cước phải tương ứng với chất lượng dịch vụ. Chất lượng dịch vụ được xem là phương thức tiếp cận quan trọng trong quản lý kinh doanh nhằm đảm bảo sự hài lòng của khách hàng, đồng thời giúp tăng khả năng cạnh tranh và hiệu quả của ngành⁶. Theo Hiệp hội Chất lượng Hoa Kỳ (ASQ), chất lượng là toàn bộ các tính năng và đặc điểm mà một sản phẩm hay dịch vụ đem lại nhằm đáp ứng những nhu cầu đặt ra từ khách hàng. Chất lượng dịch vụ là khoảng cách giữa sự mong đợi của khách hàng và nhận thức của họ khi đã sử dụng qua dịch vụ.

WTO chia dịch vụ viễn thông làm hai loại là dịch vụ viễn thông cơ bản và dịch vụ giá trị gia tăng. Theo Nghị định thư thứ tư của GATS về dịch vụ viễn thông cơ bản có hiệu lực từ ngày 05/02/1998, dịch vụ viễn thông cơ bản là: "Viễn thông cơ bản bao gồm tất cả các dịch vụ viễn thông, cả công cộng và tư nhân mà có sự truyền dẫn điểm - điểm thông tin giữa khách hàng và nhà cung cấp".

Trong khi đó theo WTO, dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng là: "Dịch vụ viễn thông trong đó nhà cung cấp "gia tăng" giá trị vào thông tin của khách hàng bằng cách nâng cao hình thức hoặc nội dung của thông tin hoặc bằng cách cung cấp phương tiện để phục hồi hoặc lưu trữ thông tin".

Tóm lại, có thể hiểu "*Giá cước internet là giá cước dịch vụ internet được áp dụng đối với người sử dụng dịch vụ viễn thông để người sử dụng dịch vụ viễn thông thanh toán cho doanh nghiệp viễn thông khi sử dụng dịch vụ viễn thông do doanh nghiệp viễn thông cung cấp hoặc là giá cước thanh toán giữa các doanh nghiệp viễn thông khi doanh nghiệp này mua lại dịch vụ hoặc sử dụng mạng của doanh nghiệp khác*".

1.1.4. Phân loại giá cước internet

³ Perset, K. (2010-04-08), "*The Economic and Social Role of Internet Intermediaries*", OECD Digital Economy Papers, No. 171, OECD Publishing, Paris. <http://dx.doi.org/10.1787/5kmh79zszs8vb-en>

⁴ Changkyu Choi, *The effect of the Internet on service trade*, *Economics Letters*, Volume 109, Issue 2, November 2010, Pages 102-104

⁵ Caroline Paunov, Valentina Rollo, *Has the Internet Fostered Inclusive Innovation in the Developing World?*, *World Development* Volume 78, February 2016, Pages 587-609

⁶ Arun Kumar G., Manjunath S. J. và Naveen Kumar H., 2012

Căn cứ vào các nhà mạng cung cấp dịch vụ internet, có thể thấy có các loại giá cước internet theo các gói cước internet như sau:

- Gói cước của các nhà mạng là các doanh nghiệp chuyên kinh doanh dịch vụ internet. Chẳng hạn như nhà mạng Viettel, nhà mạng Vinaphone, nhà mạng Mobiphone...

- Gói cước của doanh nghiệp bán lẻ hoặc cá nhân kinh doanh nhỏ lẻ dịch vụ internet. Chẳng hạn như các cửa hàng kinh doanh dịch vụ internet có thể đưa ra các mức giá cước internet trên cơ sở ăn chênh lệch phần trăm (%) so với giá cước internet mà các nhà mạng cung cấp.

Căn cứ vào hình thức chi trả cước internet, có các loại giá cước internet sau:

- Giá cước internet khi sử dụng dịch vụ trả trước. Dịch vụ trả trước là dịch vụ mà người sử dụng dịch vụ internet thanh toán giá cước sử dụng dịch vụ trước khi sử dụng dịch vụ theo thỏa thuận giữa hai bên.

- Giá cước internet khi sử dụng dịch vụ trả sau. Dịch vụ trả sau là dịch vụ mà người sử dụng dịch vụ viễn thông thanh toán giá cước sử dụng dịch vụ sau khi sử dụng dịch vụ theo thỏa thuận giữa hai bên. Thông thường mức giá này ổn định và có tính kiểm soát cao hơn của người sử dụng dịch vụ internet và có mức ưu đãi hấp dẫn hơn do người sử dụng thường xuyên và lâu dài hơn.

Căn cứ vào chất lượng dịch vụ, có thể thấy hiện nay trên thị trường ghi nhận có hai loại giá cước internet bao gồm: giá cước áp dụng đối với người sử dụng dịch vụ viễn thông internet, thứ hai là giá cước giữa các doanh nghiệp viễn thông internet.⁷

- Giá cước áp dụng đối với người sử dụng dịch vụ internet là giá cước người sử dụng dịch vụ internet thanh toán cho doanh nghiệp viễn thông khi sử dụng dịch vụ viễn thông do doanh nghiệp viễn thông internet cung cấp.

- Giá cước giữa các doanh nghiệp viễn thông internet là giá cước thanh toán giữa các doanh nghiệp viễn thông internet khi doanh nghiệp này mua lại dịch vụ hoặc sử dụng mạng của doanh nghiệp khác để kết nối hoặc chuyển tiếp dịch vụ viễn thông internet; trường hợp doanh nghiệp này sử dụng mạng của doanh nghiệp khác để kết nối dịch vụ viễn thông internet, giá cước thanh toán giữa các doanh nghiệp viễn thông được gọi là giá cước kết nối viễn thông internet.

1.2. Khái quát pháp luật về giá cước internet

1.2.1. Khái niệm pháp luật về giá cước internet

Pháp luật về giá cước internet chứa đựng các quy phạm pháp luật trong đó điều chỉnh các vấn đề liên quan đến hoạt động của các chủ thể kinh doanh dịch vụ internet, quy định các hình thức kinh doanh dịch vụ internet. Bên cạnh đó, pháp luật về giá cước internet phải làm rõ được các nội dung về cách tính giá cước internet sao cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển khác nhau của đời sống xã hội. Bởi vì mức giá cả là một yếu tố luôn chịu sự tác động của nền kinh tế thị trường và giá trị của đồng tiền.

⁷ Điều 53 của Luật Viễn thông năm 2009

Như vậy, *pháp luật về giá cước internet* được hiểu là hệ thống các nguyên tắc bao gồm tổng hợp các quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận nhằm đảm bảo thực hiện điều chỉnh những quan hệ phát sinh giữa các chủ thể tham gia kinh doanh dịch vụ internet có thu cước internet, đồng thời quy định các mức giá cước, loại giá cước internet làm cơ sở, tiền đề cho việc thực hiện kinh doanh dịch vụ internet hiệu quả.

1.2.2. Đặc điểm pháp luật về giá cước internet

Trước tiên, pháp luật về giá cước internet chứa đựng những quy phạm pháp luật điều chỉnh các hoạt động kinh doanh dịch vụ internet hoặc cung cấp dịch vụ internet.

Các doanh nghiệp chính là các chủ thể cung cấp dịch vụ truy cập internet. Các doanh nghiệp này thuộc mọi thành phần kinh tế, được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ truy cập internet. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truy cập internet phải tuân theo các quy định về quản lý dịch vụ truy cập internet do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Thứ hai, pháp luật về giá cước internet chứa đựng các nội dung liên quan đến việc quản lý về giá cước internet. Điều này đảm bảo cho các chủ thể kinh doanh dịch vụ internet theo đúng quy định pháp luật, tránh phá giá cạnh tranh không lành mạnh, tạo ra tiền lệ xấu và môi trường kinh doanh không trong sạch.

Thứ ba, pháp luật về giá cước internet quy định và điều chỉnh mối quan hệ giữa các chủ thể kinh doanh dịch vụ internet và người sử dụng dịch vụ internet là đối tượng chi trả cước dịch vụ internet khi sử dụng.

Thứ tư, pháp luật về giá cước internet quy định các mức giá cước, loại giá cước internet làm cơ sở, tiền đề cho việc thực hiện kinh doanh dịch vụ internet hiệu quả. Trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm về quy định giá cước internet và thu giá cước internet của các quốc gia trên thế giới, căn cứ vào điều kiện kinh tế xã hội của đất nước, dựa vào nhu cầu và mức tiêu dùng của người dân, Nhà nước ban hành mức giá cước internet ở mức tối thiểu hoặc cả mức tối đa để qua đó các nhà cung cấp dịch vụ internet có sự điều chỉnh cho phù hợp dựa trên khả năng mà nhà mạng có thể đáp ứng được đối với nhu cầu của khách hàng.

1.2.3. Nội dung pháp luật về giá cước internet

- Nhóm các quy phạm pháp luật điều chỉnh trực tiếp về giá cước internet. Nhóm này được quy định trong các văn bản pháp luật về viễn thông, công nghệ thông tin, cạnh tranh... Các văn bản này điều chỉnh hoạt động về việc cung cấp dịch vụ internet, hoạt động kinh doanh dịch vụ internet, hoạt động thu phí và chi trả cước internet, hoạt động khai thác internet. Quy định về giá cước internet là việc làm cần thiết để đảm bảo điều tiết giá cả trên thị trường trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ internet.

- Nhóm các quy phạm pháp luật điều chỉnh về lĩnh vực đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động kinh doanh dịch vụ internet. Nhóm này được quy định trong các văn bản pháp luật về an ninh mạng, về quyền riêng tư. Thời gian qua, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua nhiều quy định

liên quan đến công tác quản lý dịch vụ viễn thông và bảo đảm an toàn thông tin như: Luật An toàn thông tin mạng năm 2015, Luật An ninh mạng năm 2018.

- Nhóm các quy phạm pháp luật điều chỉnh để xử lý các hành vi vi phạm về giá cước internet như: cạnh tranh không lành mạnh; phá giá cước internet làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, nhà nước; lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua việc thu cước internet một cách trắng trợn. Cụ thể là, trong trường hợp có những vi phạm liên quan đến sử dụng dịch vụ internet của khách hàng hay kinh doanh dịch vụ internet của các doanh nghiệp, Nhà nước cũng đã ban hành công cụ pháp luật để xử lý các sai phạm xảy ra: Luật xử lý vi phạm hành chính 2012 và Bộ luật hình sự 2015.

- Nhóm các quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý nhà nước về giá cước internet. Quản lý nhà nước là quá trình tác động liên tục và phù hợp với các cơ quan quản lý nhà nước trong mạng internet bằng các công cụ chính sách, quy định cụ thể để điều phối, xây dựng, phát triển hệ thống giá cước internet theo đúng mục tiêu mà Đảng và Nhà nước đã đề ra.

1.3. Các yếu tố tác động đến thực hiện pháp luật về giá cước internet

Một là, yếu tố kinh tế xã hội. Yếu tố kinh tế được hiểu bao gồm tổng thể các điều kiện, hoàn cảnh về kinh tế - xã hội, hệ thống chính sách kinh tế, chính sách xã hội và việc triển khai thực hiện, áp dụng trong thực tế xã hội.

Hai là, yếu tố năng lực cạnh tranh của các chủ thể kinh doanh dịch vụ internet. Đây cũng sẽ là yếu tố quyết định đến khả năng thực thi pháp luật về giá cước internet.

Ba là, yếu tố hội nhập và xu hướng toàn cầu hóa. Đây là yếu tố ảnh hưởng hầu như đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có cả lĩnh vực pháp luật. Việc không để một đất nước, một doanh nghiệp, tổ chức nào bị bỏ lại phía sau hay nằm ngoài dòng chảy của xã hội, thế giới là xu thế tất yếu để phát triển.

Bốn là, yếu tố về thực thi các chính sách kinh tế xã hội. Điều này được thể hiện từ những văn bản có giá trị pháp lý cao nhất như hệ thống văn bản pháp luật của Nhà nước quy định những điều mà doanh nghiệp cung cấp internet phải chấp hành trong việc định giá sản phẩm như không lũng đoạn thị trường.

Năm là, yếu tố môi trường xã hội, cụ thể là dịch bệnh COVID-19 đã tác động đến việc thực thi pháp luật về giá cước internet. Điều này được cho là cũng ảnh hưởng và tác động rất nhiều đến người tiêu dùng cũng như nhà mạng cung cấp dịch vụ internet.

Sáu là, yếu tố người tiêu dùng dịch vụ internet. Pháp luật có được thực thi hiệu quả hay không, phần lớn phụ thuộc vào người tiêu dùng dịch vụ internet bởi vì có cầu thì mới có cung.

Bảy là, cơ quan quản lý nhà nước về dịch vụ internet. Việc quản lý nhà nước về dịch vụ internet cũng cần phải có hướng tới việc quản lý các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ internet, đặc biệt là các doanh nghiệp không phải đầu tư hạ tầng mạng lưới, chỉ sống “ký sinh” trên hạ tầng mạng lưới của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ internet.

Tiểu kết Chương 1

Chương 1 đã đề cập và khái quát hóa về internet, sự ra đời và phát triển của internet trên thế giới và ở Việt Nam. Trên cơ sở đó, đề tài cũng đã hệ thống hóa về mặt lý luận về giá cước internet, các căn cứ quyết định giá internet, đồng thời so sánh giá internet với các nước trên thế giới hiện nay. Việc nghiên cứu về giá cước internet không chỉ nhằm làm rõ bức tranh về kinh doanh dịch vụ internet ở Việt Nam mà qua đó còn cho thấy được cơ chế và chính sách quản lý của nhà nước đối với loại hình dịch vụ này, đặc biệt là việc sử dụng công cụ pháp luật nhằm điều chỉnh các quan hệ pháp luật phát sinh trong quá trình kinh doanh dịch vụ internet mà giá cước internet là một phần không thể thiếu đã làm tác động, thay đổi mối quan hệ đó cũng được các nhà làm luật chú trọng.

Với những nội dung khái quát trên, chương 1 là cơ sở cho việc phân tích thực trạng pháp luật và áp dụng pháp luật về giá cước internet tại Việt Nam. Đây thực sự là nội dung nền tảng và vô cùng cần thiết để xem xét, đánh giá, phân tích thực trạng hệ thống quy định hiện hành, thực trạng giá cước internet hiện nay, từ đó đưa ra giải pháp về giá cước internet.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ GIÁ CƯỚC INTERNET TẠI VIỆT NAM

2.1. Thực trạng quy định của pháp luật về giá cước internet

2.1.1. Nội dung các quy định pháp luật về giá cước internet

2.1.1.1. Về nguyên tắc định giá cước internet và thu giá cước internet

Thứ nhất, NN tôn trọng quyền tự định giá và cạnh tranh về giá của các DN cung cấp dịch vụ internet theo quy định của pháp luật.

Thứ hai, việc quản lý và quy định giá cước phải bảo đảm hài hòa quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ, của DN kinh doanh internet và lợi ích của NN.

Thứ ba, thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh, đồng thời bảo đảm các hoạt động internet công ích.

Thứ tư, bình đẳng, không phân biệt trong quản lý và quy định giá cước áp dụng đối với người sử dụng dịch vụ.

Thứ năm, trong trường hợp cần thiết, NN có thể áp dụng hình thức quản lý khác nhau đối với giá cước giữa các DN cung cấp dịch vụ internet khuyến khích DN mới tham gia thị trường.

2.1.1.2. Về thẩm quyền quản lý giá cước internet tại Việt Nam

Để quản lý giá cước internet tại Việt Nam, NN đã giao cho Bộ TT&TT có nhiệm vụ ban hành cơ chế, chính sách, quy định và tổ chức thực hiện quản lý giá cước và khuyến mại trong lĩnh vực internet.

Thứ nhất, Bộ TT&TT có trách nhiệm quy định về quản lý GCVT; quyết định GCVT do NN quy định; Chủ trì phối hợp với Bộ Công Thương và Bộ Tài

chính quy định hoạt động khuyến mại trong cung cấp DVVT cũng như quy định việc miễn, giảm GCVT phục vụ hoạt động viễn thông công ích; chỉ đạo và hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo, kế toán, kiểm toán phục vụ hoạt động quản lý GCVT; Quy định phương pháp xác định giá thành DVVT.

Thứ hai, DNVT có trách nhiệm quyết định giá cước dịch vụ viễn thông do DN cung cấp, trừ dịch vụ thuộc danh mục giá cước viễn thông do NN quy định; trình Bộ TT&TT phương án giá cước DVVT do NN quy định; hoạch toán chi phí, xác định giá thành, niêm yết, thông báo giá cước DVVT; thực hiện chế độ báo cáo, kế toán, kiểm toán phục vụ hoạt động quản lý GCVT.

2.1.1.3. Về việc miễn giảm giá cước dịch vụ internet

Trong quá trình kinh doanh dịch vụ internet hoặc cung cấp DV internet cho các chủ liên quan, pháp luật cũng đặt ra và cho phép việc miễn giảm giá cước internet. Việc miễn giảm giá cước công ích được quy định Điều 38 của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011.

- Quy định giá cước tối đa, giá cước tối thiểu, khung giá cước DVVT;
- Kiểm soát các yếu tố hình thức giá cước DVVT;
- Công khai thông tin về giá cước;
- Quy định cơ chế quản lý GCVT theo từng thời kỳ;
- Quyết định đình chỉ thực hiện mức giá cước DVVT không hợp lý do DNVT đã quyết định;
- Quyết định tổ chức các đoàn kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định của NN về quản lý giá cước DVVT.

2.1.1.4. Về quy định giá cước internet

Căn cứ theo Điều 53 của Luật Viễn thông năm 2009 và Luật Quy định giá cước viễn thông gồm giá cước áp dụng đối với người sử dụng DVVT internet và giá cước giữa các DNVT internet.

Việc xác định giá cước internet được xác định dựa trên cơ sở chính sách và mục tiêu phát triển viễn thông từng thời kỳ, pháp luật về giá, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Bên cạnh đó, giá cước cũng được dựa trên cơ sở giá thành, quan hệ cung - cầu trên thị trường và tương quan phù hợp với GCVT internet của các nước trong khu vực và trên thế giới và không bù chéo giữa các dịch vụ internet.⁸

2.1.1.5. Về quy trình đăng ký giá cước internet tại Việt Nam

Quy trình đã được quy định dựa trên Luật Viễn thông ngày 23/12/2009 và Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Viễn thông⁹. Cụ thể là Cục Viễn thông là cơ quan thực hiện nhận thẩm tra khi các DN thành lập theo pháp luật Việt Nam gửi hồ sơ đến Cục Viễn thông - Bộ TT&TT. Hết thời hạn quy định, Cục Viễn thông sẽ có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đăng ký giá cước.

2.1.1.6. Kiểm soát, bình ổn giá cước dịch vụ internet

⁸ Xem Điều 55 của Luật Viễn thông năm 2009

⁹ Thông tư 02/2007/TT-BTTTT ngày 13/12/2007 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện quy định về quản lý giá cước dịch vụ bưu chính, viễn thông.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 38 Nghị định 25/2011/NĐ-CP về quản lý giá cước DVVT như sau:

- Quy định giá cước tối đa, giá cước tối thiểu, khung giá cước DVVT;
- Kiểm soát các yếu tố hình thức giá cước DVVT;
- Công khai thông tin về giá cước;
- Quy định cơ chế quản lý GCVT theo từng thời kỳ;
- Quyết định đình chỉ thực hiện mức giá cước DVVT không hợp lý do DNVT đã quyết định;
- Quyết định tổ chức các đoàn kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định của NN về quản lý giá cước DVVT.

2.1.1.7. Đối tượng được hưởng ưu đãi giá cước dịch vụ internet công ích truy nhập internet

Theo đó, các đối tượng được hưởng ưu đãi giá cước DVVT công ích truy nhập internet bằng rộng cố định mặt đất trả sau bao gồm: Trường mầm non theo quyết định thành lập của Chủ tịch UBND cấp huyện; Trường tiểu học; Trường trung học, bao gồm trường có một cấp học và trường có nhiều cấp học; Trường Trung cấp; Cao đẳng; Đại học; Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên; Bệnh viện chuyên khoa, bệnh viện đa khoa của NN cấp huyện, cấp tỉnh và cấp Trung ương; Bệnh viện chuyên khoa, bệnh viện đa khoa tư nhân; Bệnh viện chuyên khoa, bệnh viện đa khoa có vốn đầu tư nước ngoài; UBND cấp xã. Giá cước ưu đãi đối với các gói cước quy định cụ thể như sau: 75.000 đồng/tháng/tổ chức khi sử dụng gói dịch vụ truy cập Internet có tốc độ tải thông tin xuống tối đa từ 4 Mbps đến dưới 12 Mbps; 100.000 đồng/tháng/tổ chức với gói có tốc độ 12 Mbps đến dưới 32 Mbps; 250.000 đồng/tháng/tổ chức với gói có tốc độ từ 32 Mbps đến dưới 45 Mbps; 450.000 đồng/tháng/tổ chức với gói có tốc độ 45 Mbps trở lên. Mỗi tổ chức chỉ được hỗ trợ sử dụng một gói internet của chỉ một DNVT.

Đối tượng được hưởng mức giá cước DVVT công ích điện thoại cố định trả sau là 0 đồng/tháng/thuê bao phải là hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo quốc gia. Ngoài ra, các hộ này còn phải đăng ký sử dụng DVVT công ích điện thoại cố định mặt đất trả sau và chưa đăng ký nhận hỗ trợ hoặc đã đăng ký ngừng nhận hỗ trợ sử dụng DVVT công ích di động trả sau. Mỗi hộ nghèo, hộ cận nghèo chỉ được hưởng hỗ trợ với 01 thuê bao điện thoại của duy nhất 01 DN internet.

Bên cạnh đó, Thông tư cũng quy định ngư dân Việt Nam trên tàu, thuyền đánh bắt hải sản trên biển sử dụng DV internet công ích di động hàng hải qua hệ thống tổng đài thông tin duyên hải để phục vụ hoạt động tìm kiếm cứu nạn được áp dụng giá cước là 0 đồng/phút. Các DN cung cấp DVVT này được hỗ trợ GCVT là 6.500 đồng/phút. Thời gian tính hỗ trợ làm tròn theo phút và tổng thời gian hoạt động tìm kiếm cứu nạn được hỗ trợ trong năm tối đa là 20.000 giờ.

2.1.1.8. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng dịch vụ internet

Để đảm bảo quyền và nghĩa vụ của người sử dụng dịch vụ internet, NN cũng đã quy định quyền và nghĩa vụ của người sử dụng internet quy định tại Điều 10

Nghị định 72/2013/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng DV internet và thông tin trên mạng, người sử dụng DV mạng xã hội như:

- Được sử dụng DV của mạng xã hội trừ các dịch vụ bị cấm theo quy định của pháp luật.

- Được bảo vệ bí mật thông tin riêng và thông tin cá nhân theo quy định của pháp luật.

- Tuân thủ quy chế quản lý, cung cấp và sử dụng DV mạng xã hội.

- Chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do mình lưu trữ, cung cấp, truyền đưa trên mạng xã hội, phát tán thông tin qua đường liên kết trực tiếp do mình thiết lập.

2.1.1.9. Hành vi vi phạm pháp luật về kinh doanh dịch vụ internet

Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 32 Nghị định 174/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện thì hành vi: không treo biển “Đại lý internet” hoặc “Điểm cung cấp dịch vụ truy nhập internet công cộng”; thiết lập hệ thống thiết bị internet để cung cấp dịch vụ ngoài địa điểm đã đăng ký trong hợp đồng đại lý internet; hệ thống thiết bị internet không đáp ứng các yêu cầu về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và an ninh thông tin theo quy định; hoặc cung cấp dịch vụ truy nhập internet thấp hơn chất lượng hoặc không đúng với giá cước trong hợp đồng đại lý internet thì sẽ bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

Dưới góc độ hình sự, hành vi vi phạm nào đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về các tội danh tương ứng. Qua nghiên cứu Bộ luật hình sự, thấy rằng, hiện nay không có tội danh liên quan trực tiếp đến hành vi kinh doanh dịch vụ internet trái phép hay chiếm đoạt giá cước internet. Với các hành vi kinh doanh DV internet, chỉ có thể xử lý hình sự về các tội phạm sau nếu thỏa mãn đầy đủ dấu hiệu bắt buộc:

2.1.2. Cơ quan quản lý nhà nước và người tiêu dùng về dịch vụ internet

Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm trong việc thực hiện quản lý nhà nước về Internet (xây dựng cơ chế, chính sách, chiến lược và quy hoạch phát triển internet). Bộ Công an chịu trách nhiệm trong việc đảm bảo an ninh thông tin trong lĩnh vực internet. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng cơ chế, chính sách về đầu tư, tài chính để thúc đẩy việc sử dụng Internet trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, trường học, bệnh viện, các cơ sở nghiên cứu và đưa internet đến nông thôn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Bộ Tài chính trình Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền và hướng dẫn việc thực hiện các quy định về phí, lệ phí liên quan đến tài nguyên internet. Bộ Nội vụ thực hiện quản lý nhà nước về mật mã dân sự đối với các thông tin cần được bảo mật trong các hoạt động thương mại, dân sự trên internet. Các Bộ, ngành liên quan phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông trình Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền và hướng dẫn thực hiện các quy định; triển khai thực hiện quản lý đối với việc cung cấp và sử dụng các dịch vụ ứng dụng chuyên ngành trên Internet thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của

mình. Và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình thực hiện quản lý nhà nước về internet tại địa phương phù hợp với các quy định tại Nghị định.

2.1.3. Đánh giá thực trạng pháp luật về giá cước internet

Nhìn chung, trong hơn 10 năm qua, Nhà nước Việt Nam đã ban hành được một hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật đối với lĩnh vực internet tương đối đầy đủ và phù hợp với khách quan. Nhờ vào internet, xã hội đã hình thành nhiều ngành kinh tế mới như thương mại điện tử, DV tư vấn, thiết kế và duy trì website, DV và phần mềm máy tính, DV mua, bán tên miền, dịch vụ thuê chỗ đặt máy chủ trên mạng, DV chứng thực điện tử... Từ đó, NN đã xây dựng và ban hành được hệ thống văn bản pháp luật quản lý đưa mọi hoạt động xã hội đi trong hành lang pháp lý quy chuẩn.

2.2. Thực trạng thực hiện pháp luật về giá cước internet của Việt Nam

Trong những năm qua, Việt Nam đã trở thành một trong những nước có mức sử dụng DV internet cao hàng đầu trên thế giới, nhất là ở khu vực châu Á. Trong khi đó giá cước internet là thuộc vào tốp những nước có mức giá thấp nhất trên thế giới như đã đề cập ở chương 1 của đề tài. Rõ ràng NN đã có những cơ chế, chính sách phù hợp để điều chỉnh mức giá cước internet áp dụng đối với hoạt động kinh doanh DV internet nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội và của người dân. Bên cạnh đó, NN cũng đã phối hợp với các cơ quan ban ngành liên quan ban hành các văn bản luật, các văn bản hướng dẫn dưới luật để điều chỉnh lĩnh vực DV internet và giá cước internet như đã trình bày trong mục 2.1 của chương 2.

2.2.1. Tình hình thực hiện về giá cước internet

Bảng 2.1. Thị phần của các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ internet qua các năm

Nhà mạng Năm	Mobifone Tỷ lệ %	VNPT Tỷ lệ %	Vietnamobile Tỷ lệ %	Viettel Tỷ lệ %	Khác Tỷ lệ %
2018	11.43%	41%	0.94%	46%	0.63%
2019	16%	20.6%	1.92%	60%	1.48%
2020	21.53%	21.31%	1.34%	54%	1,82%
2021	23.69%	20.04%	2.43%	53.48%	0.36%
2022	17.27%	25.8%	1.9%	54.3%	0.73%

(Nguồn: Bộ thông tin và Truyền thông)

Bảng 2.2. Doanh thu dịch vụ internet qua các năm

Năm	2018	2019	2020	2021	2022
Doanh thu (tỷ đồng)	129.000	129.870	128.250	135.800	138.000

(Nguồn: Bộ thông tin truyền thông)

2.2.2. Vương mắc, bắt cập và nguyên nhân của vương mắc, bắt cập liên quan đến giá cước dịch vụ internet

2.2.2.1. Vương mắc, bắt cập liên quan đến giá cước dịch vụ internet

Thứ nhất, môi trường pháp lý không bình đẳng giữa các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ internet trong nước và nước ngoài các doanh nghiệp trong nước chịu sự điều chỉnh chặt chẽ của luật pháp Việt Nam, trong khi đó các doanh nghiệp của nước ngoài cung cấp dịch vụ xuyên biên giới vào Việt Nam bị điều chỉnh rất hạn chế, thậm chí không điều chỉnh được bằng các biện pháp hành chính.

Thứ hai, vương mắc về công tác xây dựng và thực thi văn bản quy phạm pháp luật còn bắt cập. Internet là lĩnh vực đặc thù có sự phát triển nhanh, mạnh, gắn liền với sự phát triển của thế giới. Vì vậy, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật quản lý lĩnh vực này cũng đòi hỏi phải được bổ sung, điều chỉnh thường xuyên cho phù hợp với sự phát triển và yêu cầu quản lý.

Thứ ba, vấn đề quản lý thông tin trên mạng xã hội nước ngoài còn gặp nhiều khó khăn do khoảng cách địa lý. Việt Nam đang có hai loại hình mạng xã hội: mạng xã hội của các doanh nghiệp trong nước được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam và do Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý; mạng xã hội nước ngoài cung cấp dịch vụ xuyên biên giới tại Việt Nam.

Thứ tư, vương mắc về giải quyết tranh chấp liên quan đến sử dụng dịch vụ internet trong các giao dịch thương mại điện tử. Một thực tế là khi các giao dịch trực tuyến ở Việt Nam tăng rất nhanh, đồng nghĩa với nó là các tranh chấp trực tuyến tăng nhanh, nhưng tính đến thời điểm này, Việt Nam vẫn chưa ban hành một văn bản pháp luật nào làm cơ sở pháp lý cho việc áp dụng giải quyết tranh chấp trực tuyến (viết tắt là ORD: Online-Dispute Resolution).

Thứ năm, hiệu quả công tác tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức người dùng internet chưa cao. Công tác thông tin tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của mọi người dân chưa được tiến hành thường xuyên, rộng khắp và thường xuyên; hình thức truyền thông chưa phong phú, hấp dẫn, chưa phù hợp với từng lứa tuổi, nhất là tầng lớp thanh thiếu niên dễ bị tác động tiêu cực của thông tin trên mạng.

Thứ sáu, nhận thức về trách nhiệm và sự phối hợp của các Bộ, ngành khác còn nhiều hạn chế. Sự phát triển của Internet là xu thế tất yếu, không thể cưỡng lại thì về nguyên tắc phải xác định “sống chung” với nó, vì thế, quan điểm xuyên suốt và nhất quán là quản lý phải theo kịp sự phát triển. Để thực hiện được điều này không hề đơn giản, bởi lẽ, internet là công nghệ mới, phát triển với tốc độ chóng mặt, là môi trường mở mang tính toàn cầu, hướng tới tự do cho cộng đồng mà không bị giới hạn về địa lý, lãnh thổ.

2.2.2.2. Nguyên nhân của vương mắc, bắt cập liên quan đến giá cước dịch vụ internet

Mạng xã hội đã trở thành kênh thông tin quan trọng trong đời sống xã hội có tác động ảnh hưởng không nhỏ đến suy nghĩ, nhận thức của người dân, trong đó mô hình quản lý internet, thông tin mạng xã hội vẫn theo cách thức quản lý báo

chí truyền thông bộc lộ nhiều bất cập. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến những vướng mắc bất cập nói trên.

Do việc quy định cơ chế quản lý giá cước viễn thông theo từng thời kỳ nên điều này dẫn đến các doanh nghiệp không nắm bắt kịp thời sự thay đổi của chính sách nhà nước về giá cước internet, vì vậy có doanh nghiệp vẫn duy trì mức giá cước cũ hoặc chưa có sự điều chỉnh tăng giá cước. Điều này đã là nguyên nhân dẫn đến phát sinh những mâu thuẫn hoặc phá giá, cạnh tranh không lành mạnh giữa các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ viễn thông trong một khoảng thời gian nhất định. Ngoài ra, pháp luật quy định phải đình chỉ việc thực hiện mức giá cước dịch vụ viễn thông không hợp lý do doanh nghiệp viễn thông đã quyết định. Nhưng do doanh nghiệp không tuân thủ quy định này nên thực tế đã dẫn đến vướng mắc nói trên.

Để kiểm soát các yếu tố về hình thức giá cước dịch vụ viễn thông, bên cạnh nhận thức của các chủ thể kinh doanh loại hình dịch vụ này, cần phải có một đội ngũ thực thi pháp luật và kiểm soát hoạt động kinh doanh dịch vụ này. Từ vướng mắc nêu trên về vấn đề thực thi pháp luật, có thể thấy rằng nguyên nhân của vướng mắc nói trên đến từ việc đội ngũ nhân sự, đội liên ngành (công an, quản lý thị trường) đảm bảo thực thi pháp luật về giá cước internet còn thiếu, thường xuyên trùng lịch công tác nên gây khó khăn về thời gian, chất lượng cuộc thanh tra, kiểm tra, kinh nghiệm xử lý tình huống phát sinh hạn chế. Xác định lĩnh vực thông tin và truyền thông là đa ngành, đa lĩnh vực, đòi hỏi phải chuyên sâu, kỹ thuật phải nắm vững, nhưng hiện tại đa số công chức thanh tra phải vừa học vừa làm, vừa nghiên cứu văn bản pháp quy, cho nên đôi lúc còn lúng túng, ảnh hưởng đến chất lượng công việc.

Ngoài ra, quyền hạn và hiệu lực thanh tra còn hạn chế. Các cơ quan thanh tra chỉ dừng lại ở quyền kiến nghị cho nên tính hiệu quả của nó thường không cao và phụ thuộc vào thái độ tiếp thu và biện pháp thực hiện các kiến nghị của các cơ quan, đơn vị được các cơ quan thanh tra kiến nghị. Lực lượng làm nhiệm vụ thanh, kiểm tra chuyên ngành thông tin và truyền thông còn mỏng, chưa bao quát hết nghiệp vụ chuyên ngành, nên gặp nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Lực lượng cán bộ thanh tra còn mỏng, kiêm nhiệm nhiều công việc chuyên môn của ngành nên chưa thể thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, XLVPHC một cách toàn diện và thường xuyên trên các lĩnh vực của ngành thông tin và truyền thông.

Trang thiết bị kỹ thuật để phục vụ công tác thanh, kiểm tra chưa được trang bị đầy đủ, nên đôi lúc chưa đảm bảo tính kịp thời, chính xác, khoa học; kinh phí hạn chế khi thực thi nhiệm vụ,... nên chưa tạo thành sức mạnh tổng hợp để đáp ứng yêu cầu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Kinh phí, cơ sở vật chất, kỹ thuật cho công tác thanh tra, kiểm tra, thi hành pháp luật về XLVPHC được bố trí nhưng chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. Thiếu trang thiết bị phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành.

Công tác tuyên truyền pháp luật nói chung và pháp luật về thông tin truyền thông nói riêng ở một số đơn vị, doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh chưa được quan

tâm đúng mức, chủ yếu chỉ quan tâm đến việc kinh doanh nên việc chấp hành các quy định của pháp luật chuyên ngành TT&TT còn chưa triệt để.

Tiểu kết Chương 2

Việc cung cấp dịch vụ internet là điều mà mỗi quốc gia phải làm để người dân của mình có thể tiếp cận với nền công nghiệp số. Internet là phương tiện giúp giao lưu các nền văn hóa cũng như cập nhập thông tin một cách nhanh chóng.

Trên cơ sở khung lý thuyết cơ bản của chương 1, chương 2 đã hệ thống hóa lại toàn bộ các quy định của pháp luật điều chỉnh lĩnh vực internet nói chung và về giá cước internet nói riêng ở Việt Nam đã và đang điều chỉnh về lĩnh vực này. Đồng thời đề tài cũng phân tích và chỉ ra các đặc điểm hình thành và phát triển của hệ thống quy phạm pháp luật điều chỉnh về lĩnh vực internet, đánh giá về thực trạng pháp luật và thực trạng áp dụng pháp luật về giá cước internet cũng như cách thức hệ thống chủ thể sử dụng dịch vụ internet ở Việt Nam trong giai đoạn 5 năm gần đây. Hiện nay, việc quy định về giá internet và quản lý giá internet còn nhiều bất cập, chưa quy định đầy đủ, chưa có hệ thống quản lý thống nhất, xuyên suốt dẫn đến thực trạng giá cước internet và hoạt động của các nhà mạng chưa hiệu quả, mặt khác chưa đáp ứng nhu cầu của khách hàng khi sử dụng dịch vụ internet.

Từ những thực trạng nêu trên, chương 3 sẽ đưa ra định hướng hoàn thiện pháp luật, cũng như kiến nghị giải pháp để giá cước internet tại Việt Nam được quản lý hợp lý.

Chương 3

ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ GIÁ CƯỚC INTERNET TẠI VIỆT NAM

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về giá cước internet tại Việt Nam

Thứ nhất, cần phải bám sát vào chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước về phát triển cơ sở hạ tầng dịch vụ internet, chính sách của nhà nước về phát triển công nghệ thông tin nói chung và Internet nói riêng của nhà nước Việt Nam đã được cụ thể hóa bằng các văn bản theo các mục tiêu đã đặt ra từ trước.

Thứ hai, hoàn thiện pháp luật về giá cước internet cần phù hợp thông lệ quốc tế và thực tế thị trường kinh doanh của Việt Nam. Nhằm đảm bảo việc các quy định pháp luật ban hành phù hợp với thực tế và đi vào cuộc sống thì nguyên tắc của việc soạn thảo xây dựng các văn bản pháp luật của các nhà làm luật Việt Nam là cần phải tham khảo và đối chiếu với luật pháp và kinh nghiệm triển khai của các nước trên thế giới để đảm bảo các văn bản đưa ra phù hợp với thông lệ quốc tế đồng thời cũng phù hợp với thực tế của Việt Nam.

Thứ ba, việc hoàn thiện pháp luật về giá cước internet nói riêng và dịch vụ viễn thông nói chung cần phải chú trọng đến yếu tố chính sách quản lý của Nhà nước. Cơ quan quản lý nhà nước phải có chính sách quản lý các dịch vụ thật hợp lý để tạo được sự phát triển bền vững và hài hòa được cả lợi ích của 3 chủ thể (Nhà nước, doanh nghiệp, người sử dụng).

Thứ tư, hoàn thiện pháp luật cũng đòi hỏi phải đặc biệt chú trọng đến yếu tố đảm bảo cạnh tranh lành mạnh giữa các chủ thể kinh doanh nhưng đồng thời cũng phải đảm bảo được quyền lợi khách hàng, những nhà tiêu dùng thông thái và cũng là những chủ thể duy trì hoạt động kinh doanh dịch vụ cho chính họ. Chất lượng và giá cả internet sẽ ngày càng tốt hơn khi cạnh tranh càng mạnh, đặc biệt cạnh tranh về viễn thông.

Thứ năm, việc hoàn thiện chính sách pháp luật về giá cước internet phải đảm bảo được quyền tự do kinh doanh dịch vụ internet, khuyến khích sử dụng dịch vụ internet để phục vụ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, hỗ trợ cải cách hành chính, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân là chính sách nhất quán của Nhà nước Việt Nam; đảm bảo khuyến khích ứng dụng internet trong các lĩnh vực kinh tế - văn hóa - xã hội để nâng cao năng suất lao động, mở rộng các hoạt động thương mại, hỗ trợ cải cách hành chính, tăng tiện ích xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân và bảo đảm an ninh - quốc phòng.

3.2. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật về giá cước internet

3.2.1. Hoàn thiện quy định pháp luật về quản lý giá cước internet

Thứ nhất, các cơ quan quản lý nhà nước cần ban hành các quy định về quản lý giá sàn là cần thiết để bảo đảm cho các nhà cung cấp dịch vụ có thể cạnh tranh lành mạnh hơn, tránh tình trạng giảm giá cước bừa bãi để cạnh tranh. Việc quản

lý giá sàn sẽ giúp doanh nghiệp yên tâm đầu tư và bảo đảm được hiệu quả đầu tư cho doanh nghiệp, tránh lãng phí cho xã hội.

Thứ hai, cần ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết về các căn cứ xác định giá cước nói chung và căn cứ xác định giá cước dịch vụ áp dụng đối với người sử dụng nói riêng.

Thứ ba, cần có chính sách phát triển kinh tế xã hội của Nhà nước và mục tiêu phát triển bưu chính, viễn thông trong từng thời kỳ; tuân thủ các quy định về quản lý giá của Nhà nước và phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia trên cơ sở giá thành, quan hệ cung cầu trên thị trường và tương quan phù hợp với mức giá cước dịch vụ cùng loại của các nước trong khu vực và trên thế giới.

Thứ tư, các cơ quan có thẩm quyền trong đó có Bộ TT&TT cần ban hành quy định cụ thể về các chính sách chống nguy cơ bán phá giá để tránh xảy ra cuộc chiến giảm cước cấp quang, gây mất ổn định cho thị trường; cần bổ sung các quy định quản lý giá dịch vụ bán buôn để thúc đẩy cạnh tranh trên thị trường, phù hợp với thông lệ quản lý quốc tế và pháp luật về giá.

Cùng với đó, Nhà nước cần rà soát và sửa đổi, bổ sung nhằm nâng cao tính hiệu lực, hiệu quả các văn bản có liên quan đến quản lý giá cước internet cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn, đồng thời xây dựng các văn bản mới phù hợp với xu thế phát triển và yêu cầu công tác quản lý nhà nước. Nghiên cứu đề xuất, đàm phán các cơ chế phối hợp giữa các quốc gia trong việc quản lý các dịch vụ thông tin xuyên biên giới phù hợp với các cam kết quốc tế và yêu cầu hội nhập.

3.2.2. Hoàn thiện quy định pháp luật quy định về cấp phép internet và cạnh tranh giá cước internet

Thứ nhất, bỏ việc phân loại mạng viễn thông cố định mặt đất theo tiêu chí sử dụng băng tần và số thuê bao, chỉ quy định điều kiện về mức vốn pháp định và mức cam kết đầu tư khi thiết lập mạng viễn thông cố định mặt đất theo phạm vi thiết lập mạng để phù hợp với thực tiễn, xu thế phát triển công nghệ và đơn giản hoá điều kiện cấp phép.

Thứ hai, bổ sung hướng dẫn điểm b khoản 5 Điều 24 Luật Viễn thông chỉ yêu cầu giấy phép mạng dùng riêng đối với các mạng dùng riêng mà các thành viên mạng là các tổ chức, cá nhân độc lập, không thuộc cùng một cơ quan, tổ chức. Việc này phù hợp với yêu cầu quản lý chặt loại hình mạng dùng riêng này để tránh lợi dụng, biến tướng thành mạng viễn thông công cộng.

Thứ ba, hiện nay vấn đề quản lý cạnh tranh dịch vụ internet cũng như giá cước internet được quy định trong Luật cạnh tranh và Luật Viễn thông mà nội dung chủ yếu bao gồm vấn đề quản lý cạnh tranh trong kinh doanh dịch vụ viễn thông, cấp phép viễn thông, quản lý giá cước, khuyến mại dịch vụ viễn thông, quản lý tài nguyên kho số viễn thông. Do vậy, để bảo đảm duy trì môi trường cạnh tranh lành mạnh, sử dụng hiệu quả tài nguyên, cải cách hành chính thì điều cần thiết là phải hoàn thiện các quy định của pháp luật về cạnh tranh kinh doanh dịch vụ internet.

3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về giá cước internet

3.3.1. Giải pháp đối với Nhà nước

Bộ TT&TT cần có chính sách khuyến khích việc tăng cường chia sẻ hạ tầng viễn thông di động dùng chung, ưu tiên bổ sung số lượng trạm 4G tại những địa bàn trọng yếu như Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội. Bộ sẽ tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp khi phát triển hạ tầng trạm BTS.

Cục Viễn thông đề xuất, tham mưu với lãnh đạo Bộ chỉ đạo các doanh nghiệp triển khai đồng bộ nhiều biện pháp để khắc phục các điểm yếu. Sở TT&TT cần có kế hoạch khảo sát và đánh giá việc chấp hành các quy định về quản lý giá cước và khuyến mại internet của các nhà mạng. Đánh giá tổng quan tình hình chấp hành các quy định về giá cước và khuyến mại Internet, việc đăng ký với cơ quan nhà nước, áp dụng, triển khai, niêm yết giá cước và chương trình khuyến mãi đối với dịch vụ internet của các doanh nghiệp.

3.3.2. Giải pháp đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ internet

Thứ nhất, chú trọng việc nâng cao chất lượng và tốc độ internet cùng với duy trì giá thành phù hợp

Đối với băng rộng di động, để nâng cao hơn nữa tốc độ internet di động, chúng ta phải xem xét bổ sung thêm băng tần cho mạng 4G. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp viễn thông cần áp dụng thêm công nghệ mới, mở rộng quy mô thử nghiệm và đẩy nhanh việc thương mại hóa 5G.

Thứ hai, minh bạch và công khai thống nhất giá cước internet

Đưa ra nhiều chính sách và công cụ cho phép người dùng tiết kiệm cước phí và tra cứu thông tin minh bạch, chính xác, có nhiều chính sách và công cụ cho phép người dùng tiết kiệm cước phí và tra cứu thông tin minh bạch, chính xác.

Thứ ba, nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng mạng internet vẫn đảm bảo giá thành ổn định

Nâng cao chất lượng đường truyền, hầu như các nhà cung cấp đều sử dụng đường truyền cáp quang thay cho đường truyền cáp đồng ADSL ngày trước. Việc nâng cấp đường truyền giúp tốc độ truy cập trong và ngoài nước đều nhanh hơn, đồng thời độ bảo mật cao hơn.

Thứ tư, nâng cao chất lượng nhân sự và phục vụ trong các nhà mạng tại Việt Nam

Bộ phận kỹ thuật của các nhà mạng hầu như đều là những kỹ sư lành nghề, tháo vát. Riêng đối với mạng Viettel thì nhân viên kỹ thuật luôn được quán triệt tư tưởng niềm nở với khách, hỗ trợ tận tình, chu đáo. Tiến hành khảo sát nhanh khi khách hàng có nhu cầu tham gia dịch vụ, và hoàn thành công tác lắp đặt trong thời gian sớm nhất có thể. Hoàn thiện quy trình lắp đặt, chăm sóc khách hàng chu đáo.

Thứ năm, có chính sách ưu đãi riêng khi khách hàng thu cước trước và thanh toán không dùng tiền mặt

Định hướng cũng như chủ trương của nhà nước ta đối với việc thu cước phí internet qua các hình thức không dùng tiền mặt. Vì vậy các nhà mạng cần có thêm ưu đãi cụ thể và hợp lý thu hút khách hàng nộp trước tiền và thanh toán không

dùng tiền mặt đảm bảo chủ trương của nhà nước. Nhiều phương thức thanh toán và hình thức thanh toán trả sau bằng thẻ cào trả trước (ezPay), tài khoản ngân hàng (ezBank), ví điện tử VNPT Pay, MyVNPT. Thuê bao trả sau sẽ không cần phải đợi chờ thông báo cước hàng tháng mà luôn có thể chủ động thanh toán vào mọi thời điểm, với hình thức thuận tiện nhất.

Thứ sáu, song hành cùng với các chính sách khuyến khích phát triển internet để tối đa hóa sử dụng các lợi ích hiệu quả cộng hưởng mang lại đối với xã hội và kinh doanh, Nhà nước Việt Nam cũng như các nước trên thế giới phải lưu tâm tới việc quản lý lĩnh vực này để đảm bảo an ninh quốc gia các giá trị đạo đức thuần phong mỹ tục bảo vệ cá nhân, đặc biệt là trẻ em khỏi tác động tiêu cực của internet, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp thông tin sai sự thật.

3.3.3. Giải pháp đối với người tiêu dùng dịch vụ internet

Người tiêu dùng là trung tâm của mối quan hệ giữa doanh nghiệp cung cấp dịch vụ internet và Nhà nước là chủ thể quản lý loại hình dịch vụ này. Nếu như các doanh nghiệp thực hiện hoạt động kinh doanh để đem lại lợi nhuận thì nhà nước tham gia vào hoạt động này nhằm để điều tiết và quản lý các doanh nghiệp nhằm tránh các doanh nghiệp vi phạm trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ internet nhưng đồng thời còn nhằm để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể khác có liên quan. Trong khi đó, người tiêu dùng là người trực tiếp sử dụng dịch vụ internet, trực tiếp chi trả giá cước internet.

Tiểu kết Chương 3

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu ở chương 2, trong chương 3, tác giả tập trung phân tích và đưa ra 5 định hướng hoàn thiện pháp luật và 2 nhóm giải pháp nhằm thực hiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về giá internet tại Việt Nam hiện nay.

Nhóm giải pháp thứ nhất nhằm hoàn thiện pháp luật về giá cước internet. Trong nhóm giải pháp này, tác giả đã cụ chi tiết hóa thành 2 giải pháp, đó là: Hoàn thiện quy định pháp luật về giá cước internet và Hoàn thiện quy định pháp luật về cấp phép internet và cạnh tranh giá cước internet.

Nhóm giải pháp thứ hai nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về giá cước internet. Trong nhóm này, tác giả đưa ra 3 giải pháp cụ thể: Giải pháp đối với Nhà nước; Giải pháp đối với doanh nghiệp kinh doanh internet; Giải pháp đối với khách hàng sử dụng internet.

Các giải pháp có tính hệ thống và xuyên suốt, bổ sung cho nhau nhằm đảm bảo sự chặt chẽ trong thực hiện quyền, trách nhiệm, lợi ích của mỗi chủ thể trong thực hiện pháp luật về giá cước internet.

Tóm lại, để việc quản lý giá cước internet diễn ra hiệu quả, cần phải có chính sách đúng đắn, độ bao phủ rộng, có tầm nhìn chiến lược, lâu dài; đồng thời phải có sự hợp tác của các doanh nghiệp kinh doanh internet và người sử dụng internet - tức là có cần sự tham gia chặt chẽ giữa 3 bên đó là Nhà nước, doanh nghiệp và khách hàng sử dụng internet để đảm bảo thị trường internet phát triển lành mạnh, bền vững.

KẾT LUẬN

Kể từ khi internet xuất hiện ở Việt Nam, dịch vụ internet đã phát triển rất nhanh và đạt được những thành tựu nhất định, đồng thời tạo ra bước đột phá cho sự phát triển của nền kinh tế nói chung và ngành công nghệ nói riêng. Internet đã trở thành một trong những yêu cầu cơ bản nhất của cuộc sống chúng ta. Cách đây một thập kỷ internet không quan trọng như bây giờ. Nhất là khi đại dịch COVID-19 tấn công thế giới, tất cả mọi người đều phải làm việc và học tập tại nhà. Hầu như nhà nhà đều trang bị internet, từ cửa hàng tạp hóa đến nơi làm việc, giáo dục đến mua sắm, mọi thứ đã được chuyển sang các phương tiện kỹ thuật số đòi hỏi một mạng internet ổn định để hoạt động tốt. Do lưu lượng truy cập internet ngày càng tăng nên cần có một kết nối Internet ổn định với giá cả phải chăng. Phí internet giữa các quốc gia là khác nhau, một số khu vực may mắn hơn có thể truy cập internet nhanh với mức giá hợp lý, trong khi một số khu vực phải trả một số tiền khổng lồ cho kết nối internet.

Để internet phát triển mạnh và trở thành một công cụ hữu ích cần có sự tham gia của cả chính phủ, doanh nghiệp và xã hội. Do đó, việc phối hợp liên ngành là hết sức cần thiết không chỉ trong các đề án, dự án phát triển viễn thông, công nghệ thông tin mà còn trong cả vấn đề tạo môi trường kinh doanh để đảm bảo cạnh tranh lành mạnh.

Thông qua những kết quả nghiên cứu của đề tài: ***“Pháp luật về giá cước internet ở Việt Nam”*** với những nội dung và số liệu đưa ra đã giải quyết được hầu hết các mục tiêu nghiên cứu đã được đề ra ban đầu, từ những kết quả đó, nghiên cứu đã đề xuất một số các định hướng và giải pháp về giá cước internet tại Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.